

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1
Tháng 12/2014

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.660 *10%)	Thành tiền	Ký nộp
1	101	Phòng trực Y tế	3.240	3.273				
2	102	8	3.616	3.648	32	1.826	58.432	
3	103	8	5.045	5.124	79	1.826	144.254	
4	104	5	3.655	3.717	62	1.826	113.212	
5	105	8	3.408	3.474	66	1.826	120.516	
6	106	8	2.840	2.916	76	1.826	138.776	
7	107	PSHC	1.502	1.518		1.826	0	
8	108		1.438	1.488		1.826	0	
9	109	8	1.562	1.614	52	1.826	94.952	
10	110	8	2.021	2.117	96	1.826	175.296	
11	111	8	2.001	2.098	97	1.826	177.122	
12	112	8	3.546	3.732	186	1.826	339.636	
13	113	8	2.755	2.840	85	1.826	155.210	
14	114	8	3.586	3.627	41	1.826	74.866	
15	201	6	1.833	1.943	110	1.826	200.860	
16	202	5	4.300	4.356	56	1.826	102.256	
17	203	8	3.134	3.199	65	1.826	118.690	
18	204	8	5.639	5.812	173	1.826	315.898	
19	205	8	4.471	4.540	69	1.826	125.994	
20	206	8	4.392	4.438	46	1.826	83.996	
21	207	8	2.349	2.410	61	1.826	111.386	
22	208	0	4.525	4.526	1	1.826	1.826	
23	209	8	4.151	4.247	96	1.826	175.296	
24	210	8	4.601	4.699	98	1.826	178.948	
25	211	8	4.027	4.175	148	1.826	270.248	
26	212	8	5.258	5.383	125	1.826	228.250	
27	213	8	4.729	4.861	132	1.826	241.032	
28	214	8	4.731	4.860	129	1.826	235.554	
29	301	1 SV ăn độ	3.743	3.743	0	1.826	0	
30	302	0	4.853	4.958	105	1.826	191.730	
31	303	8	4.320	4.440	120	1.826	219.120	
32	304	8	3.131	3.421	290	1.826	529.540	
33	305	8	4.224	4.356	132	1.826	241.032	
34	306	8	3.554	3.659	105	1.826	191.730	
35	307	0 PSHC	545	567		1.826	0	
36	308	0	452	480		1.826	0	
37	309	8	3.630	3.751	121	1.826	220.946	

38	310	8		5.053	5.145	92	1.826	167.992	
39	311	8		3.262	3.338	76	1.826	138.776	
40	312	8		3.051	3.257	206	1.826	376.156	
41	313	8		4.351	4.526	175	1.826	319.550	
42	314	8		5.223	5.348	125	1.826	228.250	
43	401	8		2.490	2.587	97	1.826	177.122	
44	402	8		3.395	3.453	58	1.826	105.908	
45	403	8		2.545	2.607	62	1.826	113.212	
46	404	8		2.589	2.659	70	1.826	127.820	
47	405	8		3.298	3.433	135	1.826	246.510	
48	406	8		5.760	5.830	70	1.826	127.820	
49	407	8		4.827	4.893	66	1.826	120.516	
50	408	7		2.742	2.839	97	1.826	177.122	
51	409	8		3.932	4.067	135	1.826	246.510	
52	410	8		2.284	2.367	83	1.826	151.558	
53	411	8		3.920	4.035	115	1.826	209.990	
54	412	8		4.985	5.141	156	1.826	284.856	
55	413	8		3.583	3.634	51	1.826	93.126	
56	414	8		3.691	3.817	126	1.826	230.076	
57	501	7		1.740	1.805	65	1.826	118.690	
58	502	8		3.715	3.819	104	1.826	189.904	
59	503	8		1.688	1.723	35	1.826	63.910	
60	504	8		1.607	1.721	114	1.826	208.164	
61	505	8		1.912	2.007	95	1.826	173.470	
62	506	1	SVNN TT	3.269	3.337	68	1.826	124.168	
63	507	5		1.359	1.391	32	1.826	58.432	
64	508	1	SVNN TT	4.999	5.128	129	1.826	235.554	
65	509	1	SVNN TT	2.754	2.754	0	1.826	0	
66	510	8		2.548	2.676	128	1.826	233.728	
67	511	8		4.977	5.145	168	1.826	306.768	
68	512	8		2.617	2.743	126	1.826	230.076	
69	513	8		2.524	2.644	120	1.826	219.120	
70	514	8		3.803	3.942	139	1.826	253.814	
	Cộng	463				6.372		11.635.272	

(Bảng chữ: Mười một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 11.275.550 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS Ngô Xuân Hoà

Trần Thị Hà